

Phụ lục I:

**PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Giao kế hoạch vốn		Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023		
	TỔNG SỐ	539.110	121.710	137.480	139.920	
A	Phân bổ cho địa phương	378.967	121.310	93.183	82.920	
I	Kế hoạch vốn cho 2 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	66.240	23.328	17.920	15.870	
1	Huyện Tánh Linh	33.120	11.664	8.960	7.935	
2	Huyện Hàm Tân	33.120	11.664	8.960	7.935	
II	Kế hoạch vốn cho các địa phương	307.727	97.982	75.263	66.650	
1	Huyện Tuy Phong	45.793	14.580	11.200	9.918	
2	Huyện Bắc Bình	80.595	25.660	19.712	17.456	
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	51.288	16.329	12.544	11.109	
4	Thành phố Phan Thiết	7.327	2.333	1.792	1.587	
5	Huyện Hàm Thuận Nam	34.802	11.082	8.512	7.538	
6	Thị xã La Gi	7.327	2.333	1.792	1.587	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Giao kế hoạch vốn		Phân bổ kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
			Năm 2022	Năm 2023		
7	Huyện Hàm Tân	18.317	5.833	4.480	3.967	
8	Huyện Tánh Linh	38.466	12.249	9.407	8.331	
9	Huyện Đức Linh	18.317	5.833	4.480	3.967	
10	Huyện Phú Quý	5.495	1.750	1.344	1.190	
III	Mô hình xây dựng vùng nguyên liệu chất lượng cao và đầu tư công nghệ sơ chế, chế biến trái thanh long nhằm gia tăng giá trị sản phẩm OCOP tại xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	5.000			400	Chuẩn bị đầu tư
B	Công trình nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	106.822	400	35.000	44.000	UBND tỉnh phân khai chi tiết
C	Các chương trình, chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt	53.321		9.297	13.000	UBND tỉnh phân khai khi có phát sinh

**Ghi chú: Bao gồm dự án đầu tư hạ tầng vùng nguyên liệu sản xuất tập trung theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh*